

**Bài 2**  
**CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG**  
**Mô hình hấp dẫn & Mô thức TMQT**



Vũ Thành Tụ Anh  
Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright  
28/02/2018

# Nội dung trình bày



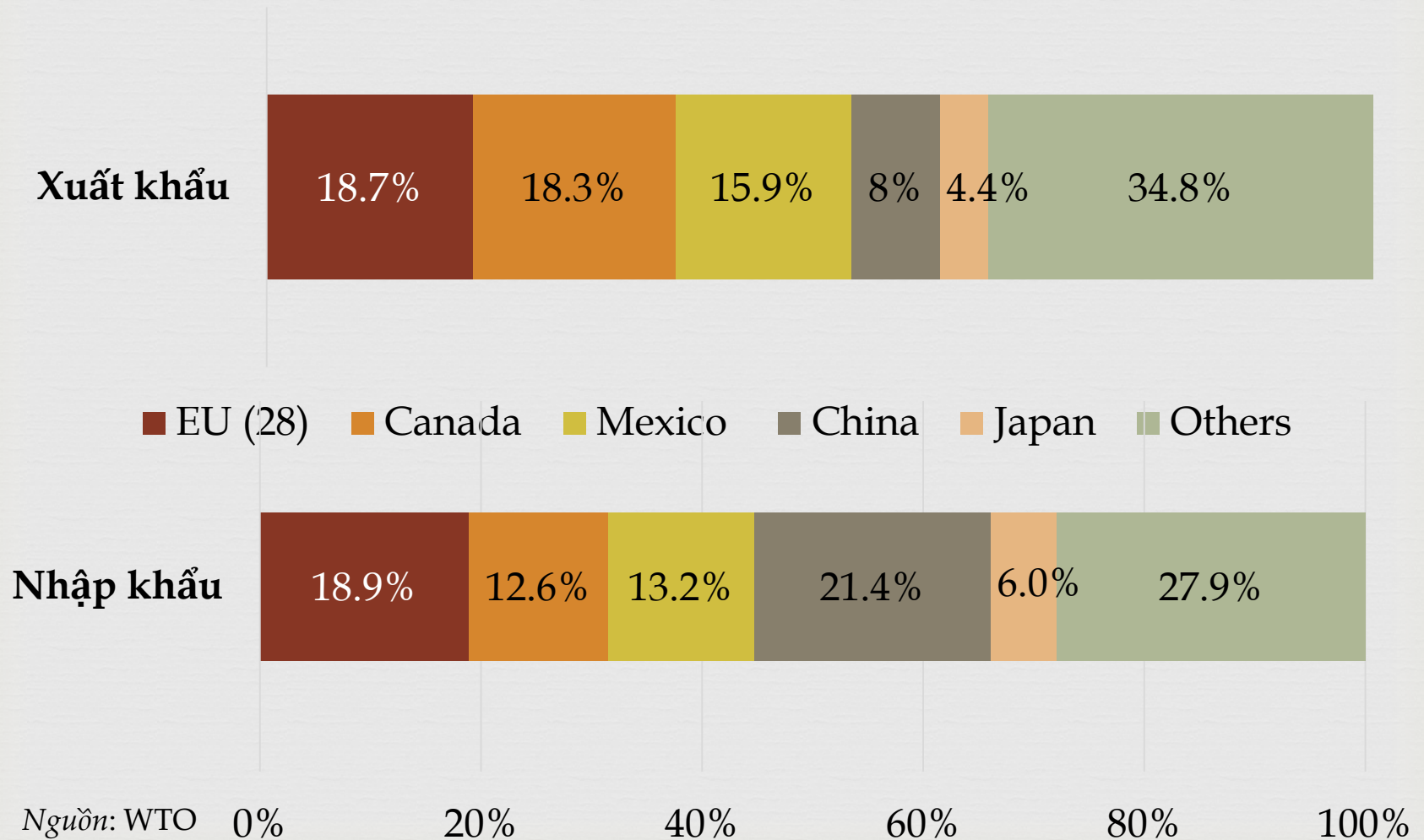
## ❧ Ai mua bán với ai?

- ❧ Vai trò của quy mô kinh tế: Mô hình lực hấp dẫn
- ❧ Sử dụng Mô hình lực hấp dẫn: Phát hiện các trường hợp bất thường
- ❧ Các nhân tố cản trở thương mại: Khoảng cách, hàng rào thương mại, đường biên giới

## ❧ Sự thay đổi mô thức thương mại quốc tế

- ❧ Thế giới có thực sự thu nhỏ?
- ❧ Các quốc gia mua bán cái gì với nhau?
- ❧ Sự dịch chuyển cơ cấu thương mại toàn cầu

# Hoa Kỳ xuất nhập khẩu với ai?



# Hoa Kỳ xuất và nhập cái gì?



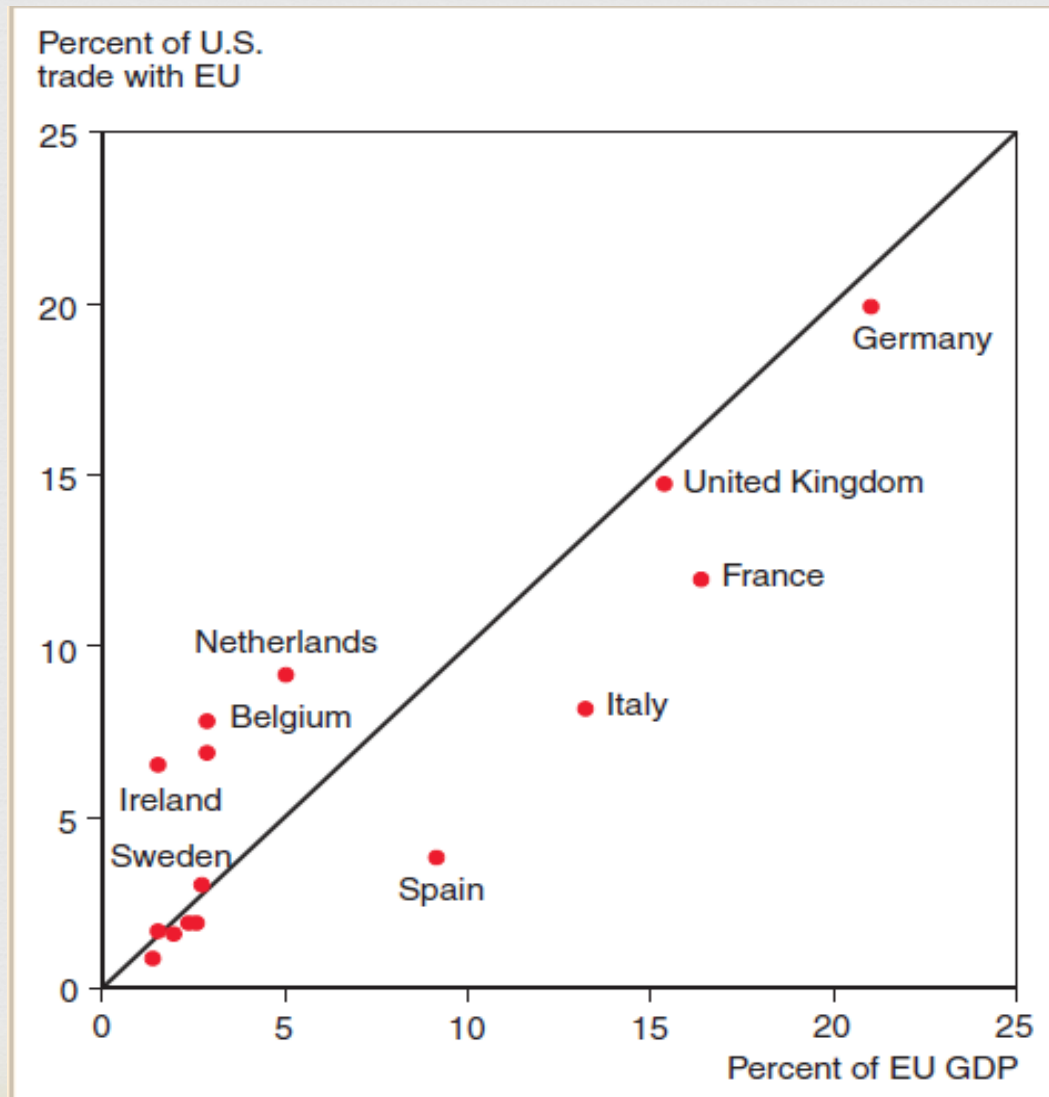
## ☞ Tốp xuất khẩu cao nhất (triệu USD)

HS2710	Dầu lửa (trừ dầu thô)	64 061
HS8703	Xe động cơ cá nhân	53 807
HS8708	Phụ tùng xe động cơ 8701-8075	42 833
HS8542	Mạch điện tử tích hợp	35 462
HS8471	Máy xử lý dữ liệu tự động	26 599

## ☞ Tốp nhập khẩu cao nhất (triệu USD)

HS8703	Xe động cơ cá nhân	173 346
HS2709	Dầu lửa, dầu thô	108 073
HS8471	Máy xử lý dữ liệu tự động	86 721
HS3004	Thuốc theo liều lượng	67 548
HS8708	Phụ tùng xe động cơ 8701-8075	66 612

# Tương quan giữa quy mô nền kinh tế với kim ngạch thương mại



# Tại sao quy mô kinh tế lại quan trọng?

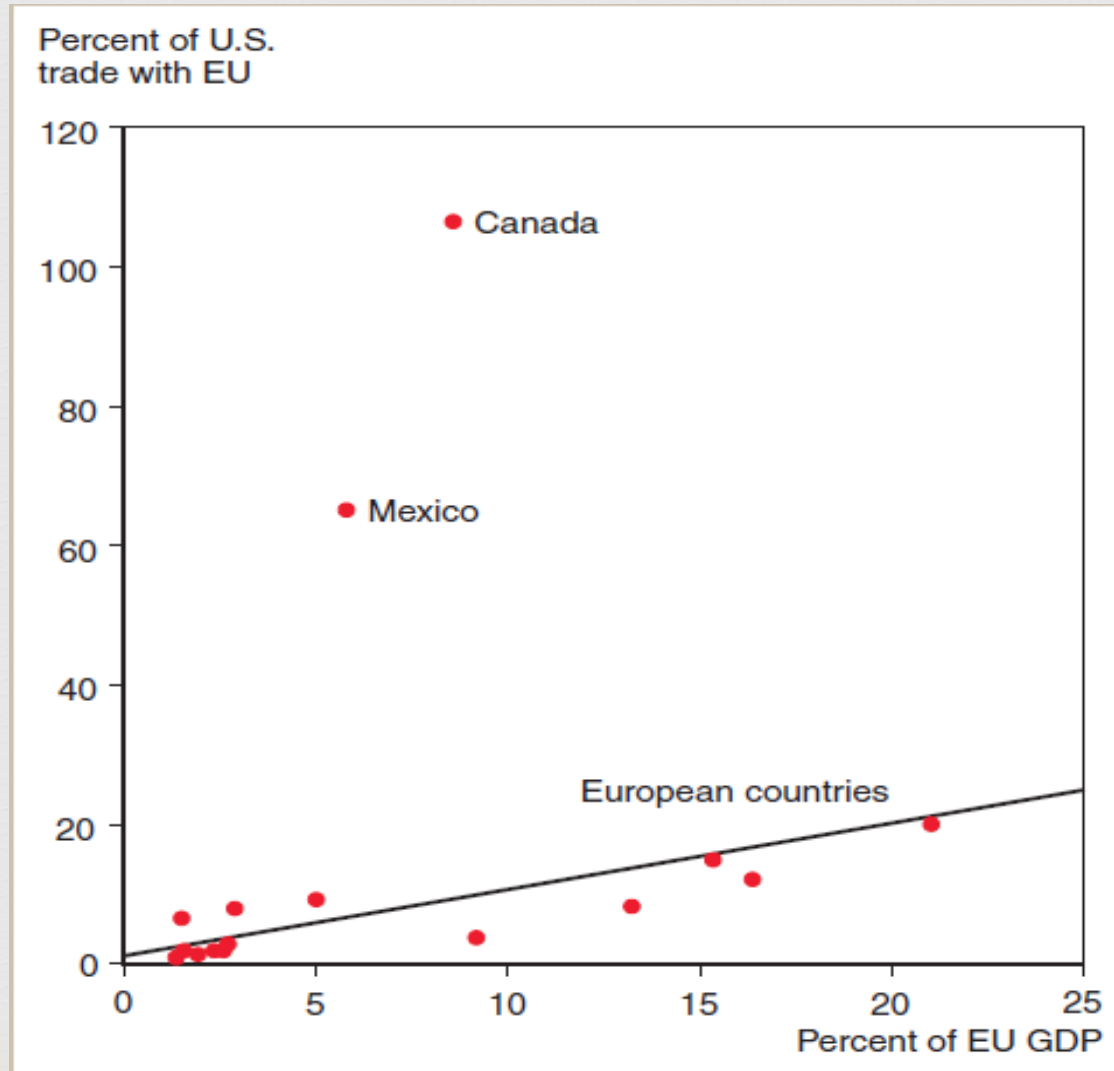


☞ Quy mô kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến kim ngạch xuất - nhập khẩu:

☞ **Cung:** Các nền kinh tế lớn có năng lực sản xuất cao hơn và thường xuất khẩu nhiều hơn.

☞ **Cầu:** Các nền kinh tế lớn thường có sức mua lớn và do vậy nhập khẩu nhiều hơn.

# Tương quan giữa quy mô nền kinh tế với kim ngạch thương mại



# Mô hình lực hấp dẫn



$$T_{ij} = \frac{A \times Y_i \times Y_j}{D_{ij}}$$

- ❧ A là hằng số
- ❧  $T_{ij}$  là kim ngạch thương mại giữa nước i và nước j
- ❧  $Y_i$  là GDP của nước i
- ❧  $Y_j$  là GDP của nước j
- ❧  $D_{ij}$  là khoảng cách giữa hai nước

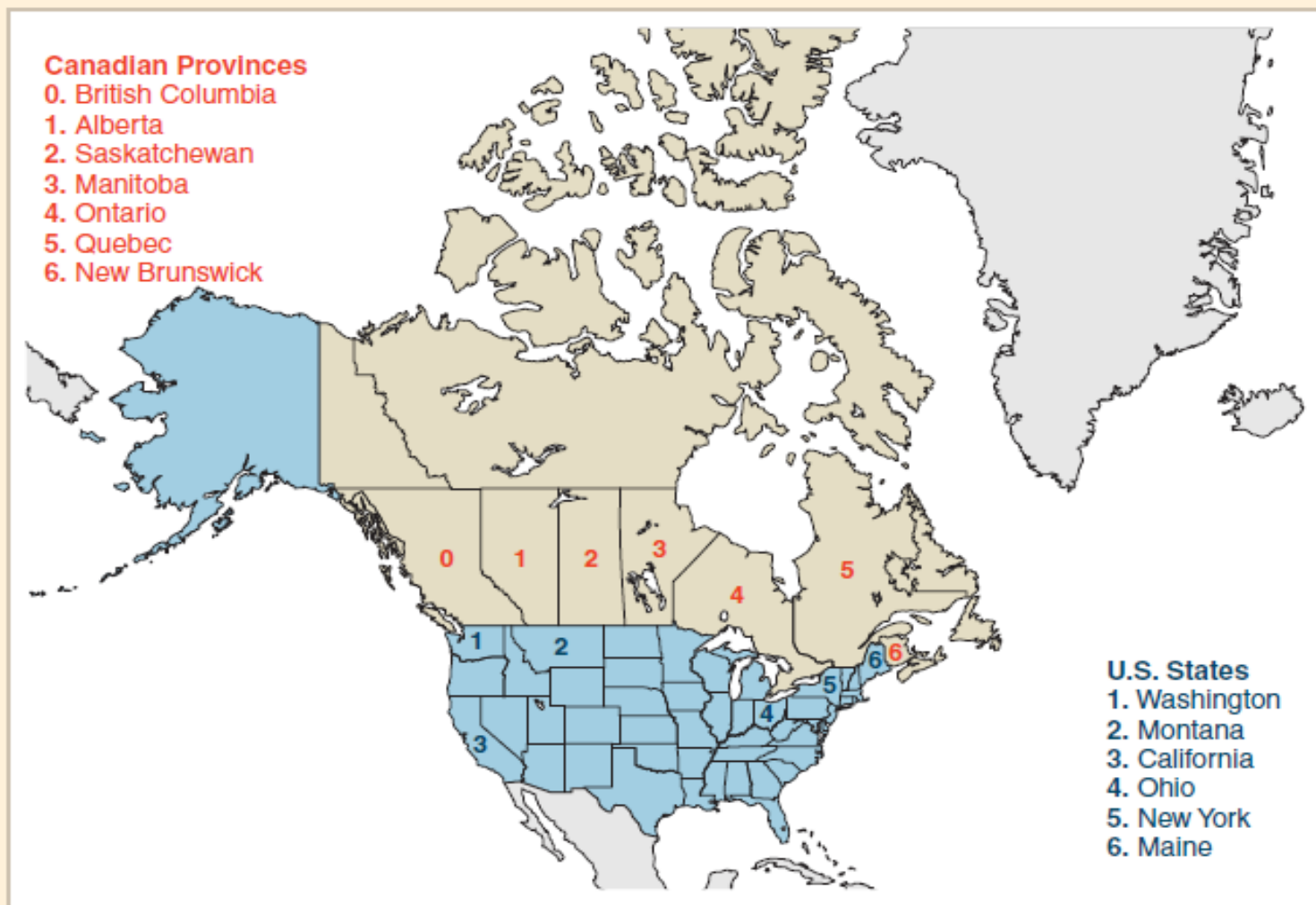
Tổng quát hơn:

$$T_{ij} = \frac{A \times Y_i^a \times Y_j^b}{D_{ij}^c}$$

Trong đó a, b, c được ước lượng từ số liệu.



# “Bí ẩn” của biên giới



# Kim ngạch thương mại với British Columbia (% GDP, 1996)

Tỉnh Canada	Kim ngạch thương mại tính theo phần trăm của GDP	Kim ngạch thương mại tính theo tỷ lệ phần trăm của GDP	Tiểu bang Hoa Kỳ có khoảng cách với British Columbia tương đương
Alberta	6,9	2,6	Washington
Saskatchewan	2,4	1,0	Montana
Manitoba	2,0	0,3	California
Ontario	1,9	0,2	Ohio
Quebec	1,4	0,1	New York
New Brunswick	2,3	0,2	Maine

Nguồn: Howard J. Wall, “Gravity Model Specification and the Effects of the U.S.-Canadian Border,” (Qui cách mô hình lực hấp dẫn và ảnh hưởng của biên giới Canada-Hoa Kỳ), Federal Reserve Bank of St. Louis Working Paper 2000-024A, 2000.

# Những nhân tố cản trở thương mại



- ❧ Xung đột chính trị, quân sự
- ❧ Khoảng cách địa lý
- ❧ Khác biệt văn hóa
- ❧ Khác biệt về ngôn ngữ và con người (di dân)
- ❧ Hàng rào thương mại
- ❧ Khác biệt về tiền tệ
- ❧ Thiếu vắng MNCs
- ❧ BIÊN GIỚI: Câu đố của McCallum: Đường biên giới giữa Hoa Kỳ và Canada khiến cho thương mại giữa các tỉnh của Canada trong năm 1988 cao gấp 22 lần thương mại giữa Hoa Kỳ và Canada.

# Thay đổi trong mô thức thương mại

## Vai trò của chính trị quốc tế

### Kim ngạch xuất khẩu của thế giới (% GDP thế giới)

1870	4,6
1913	7,9
1950	5,5
1973	10,5
1998	17,2

Nguồn: Angus Maddison, *The World Economy: A Millennial Perspective*, (Kinh tế thế giới: Góc nhìn thiên niên kỷ), World Bank, 2001.

# Thay đổi mô thức thương mại: Liệu thế giới có đang dần thu nhỏ lại?

- ❧ Thương mại quốc tế bắt đầu phục hồi thập niên 1970 và bùng nổ vào thập niên 1990.
- ❧ Tác động của khoảng cách đối với thương mại quốc tế giảm dần nhờ tiến bộ trong vận tải và viễn thông.
- ❧ **Công nghệ** đóng vai trò quan trọng trong việc “rút ngắn” khoảng cách giữa các đối tác thương mại:
  - ❧ Bánh xe, thuyền buồm, la bàn
  - ❧ Đường sắt, động cơ hơi nước, điện tín
  - ❧ Ô-tô, tàu thủy, điện thoại
  - ❧ Tàu container, máy bay, máy tính, máy fax, Internet, cáp quang, định vị GPS v.v.

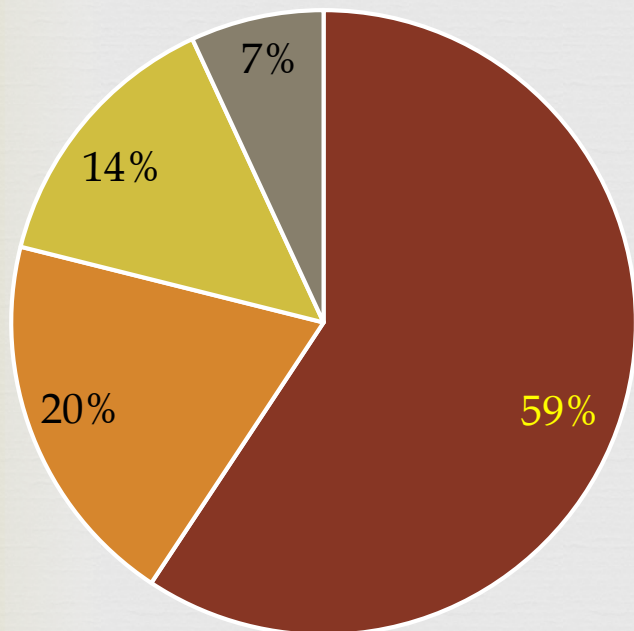
# Thay đổi mô thức thương mại: Liệu thế giới có đang dần thu nhỏ lại?

- ☞ “Khoảng cách” thế giới còn thu nhỏ lại nhờ **thế chế**:
  - ☞ **Thế chế chính trị**: Chiến tranh lạnh chấm dứt, làn sóng dân chủ hóa và thị trường hóa
  - ☞ **Thế chế thương mại**: Chuỗi giá trị (phân rã theo chiều dọc)
  - ☞ **Thế chế đầu tư**: FDI
  - ☞ **Thế chế tài chính**: Di chuyển vốn và thanh toán quốc tế

# Các nước mua bán với nhau cái gì?

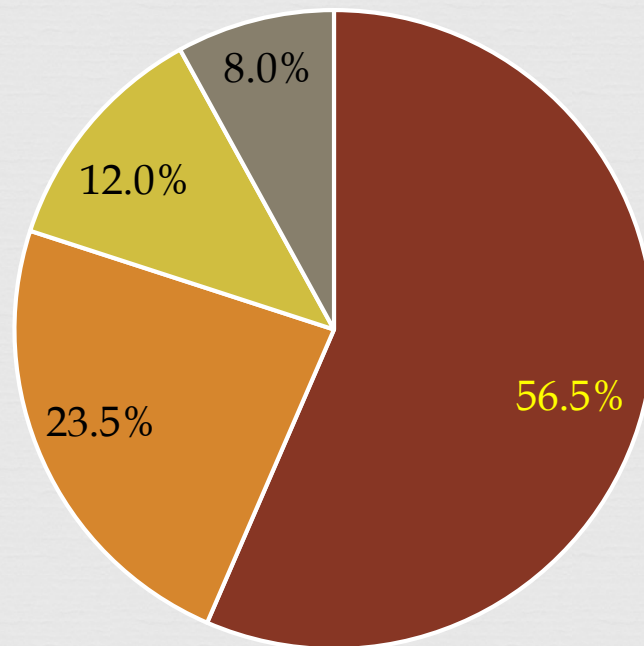


2005



- Chế biến - chế tạo
- Dịch vụ thương mại
- Nhiên liệu & khoáng sản
- Nông sản

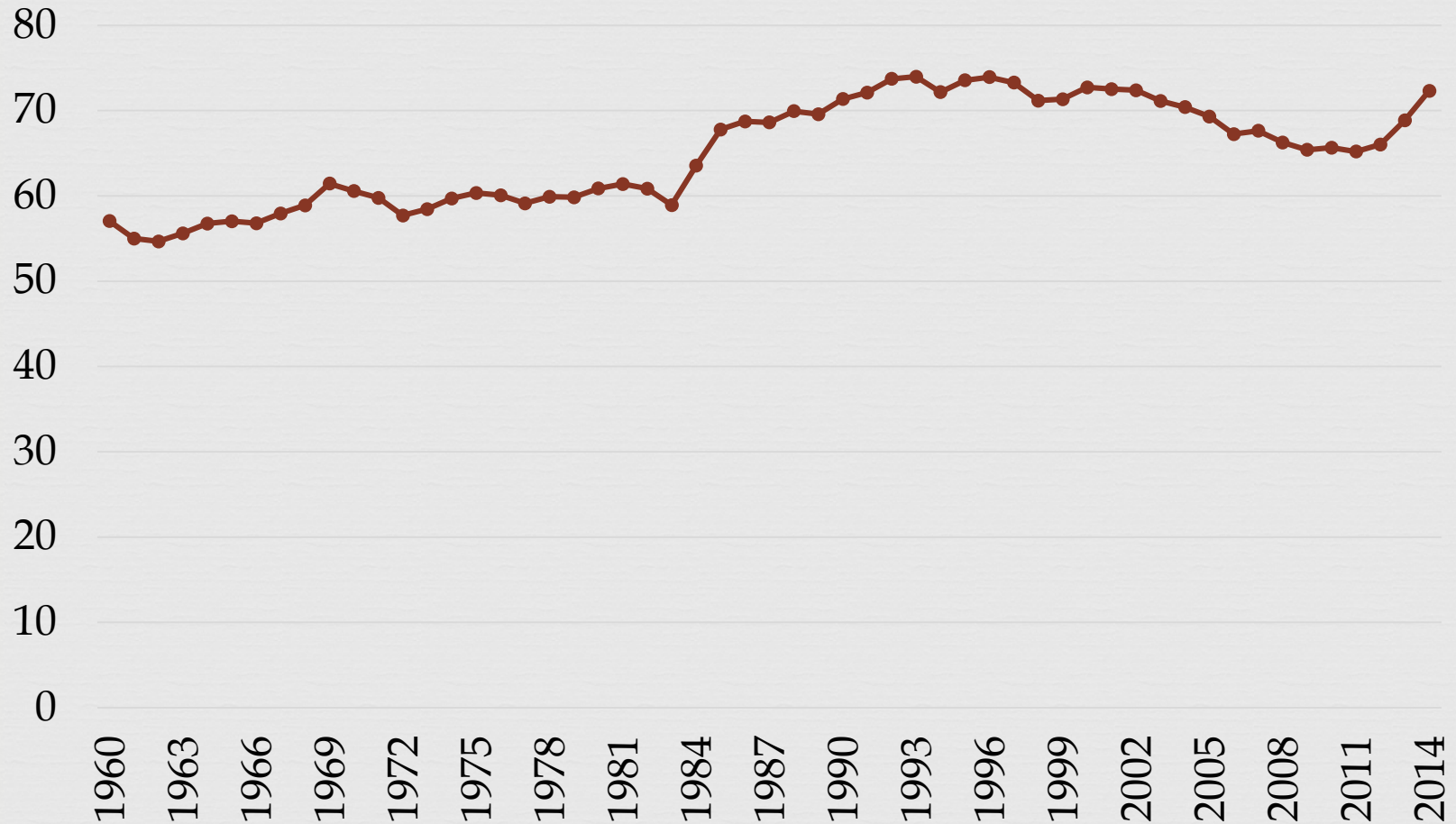
2015



Nguồn: WTO

- ☞ Sản phẩm công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ thương mại cùng nhau chiếm tới 80% tổng TM toàn cầu.
- ☞ Dịch vụ thương mại sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng

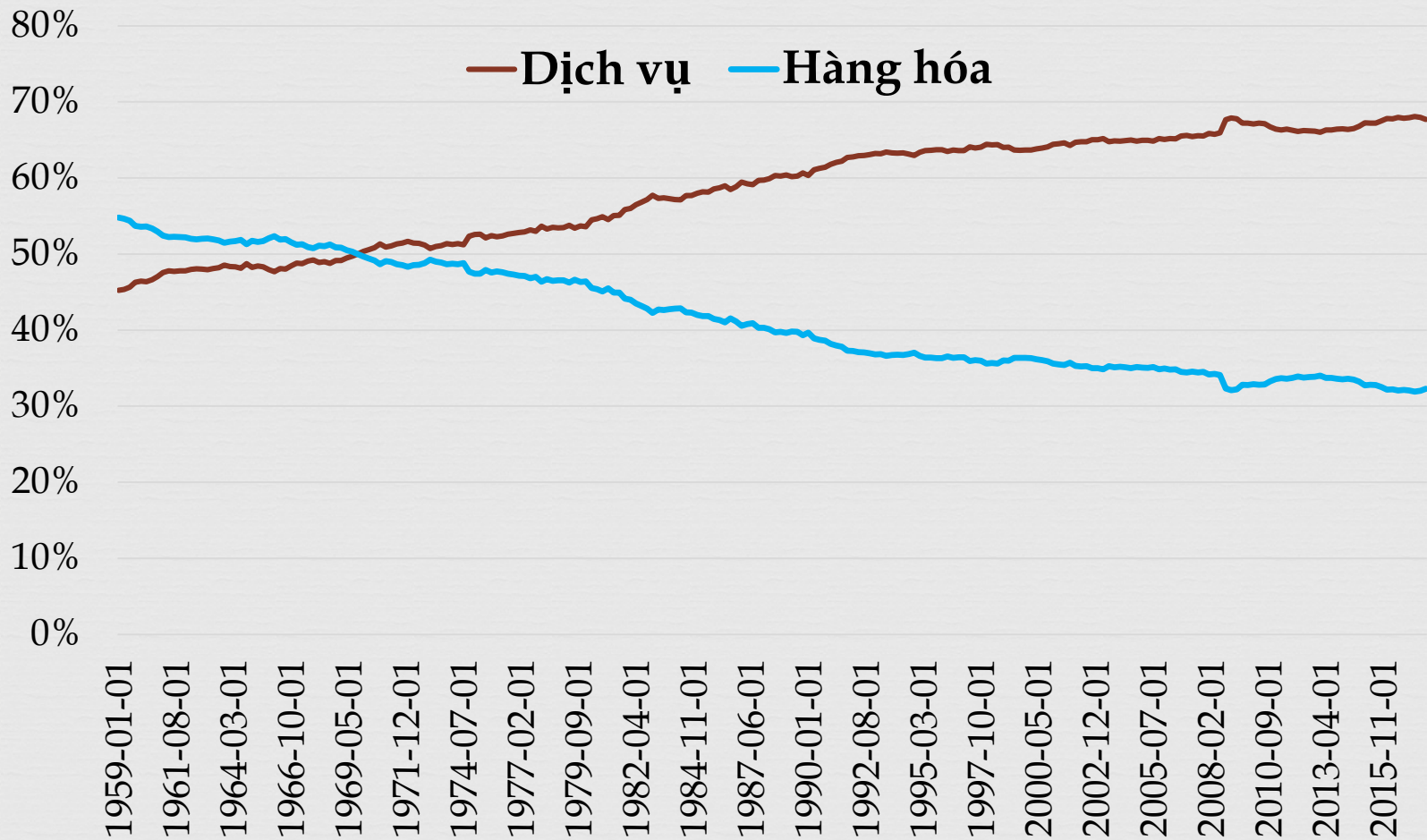
# Tỷ lệ XK công nghiệp chế tạo – chế biến trong tổng XK hàng hóa toàn cầu



Nguồn: WDI



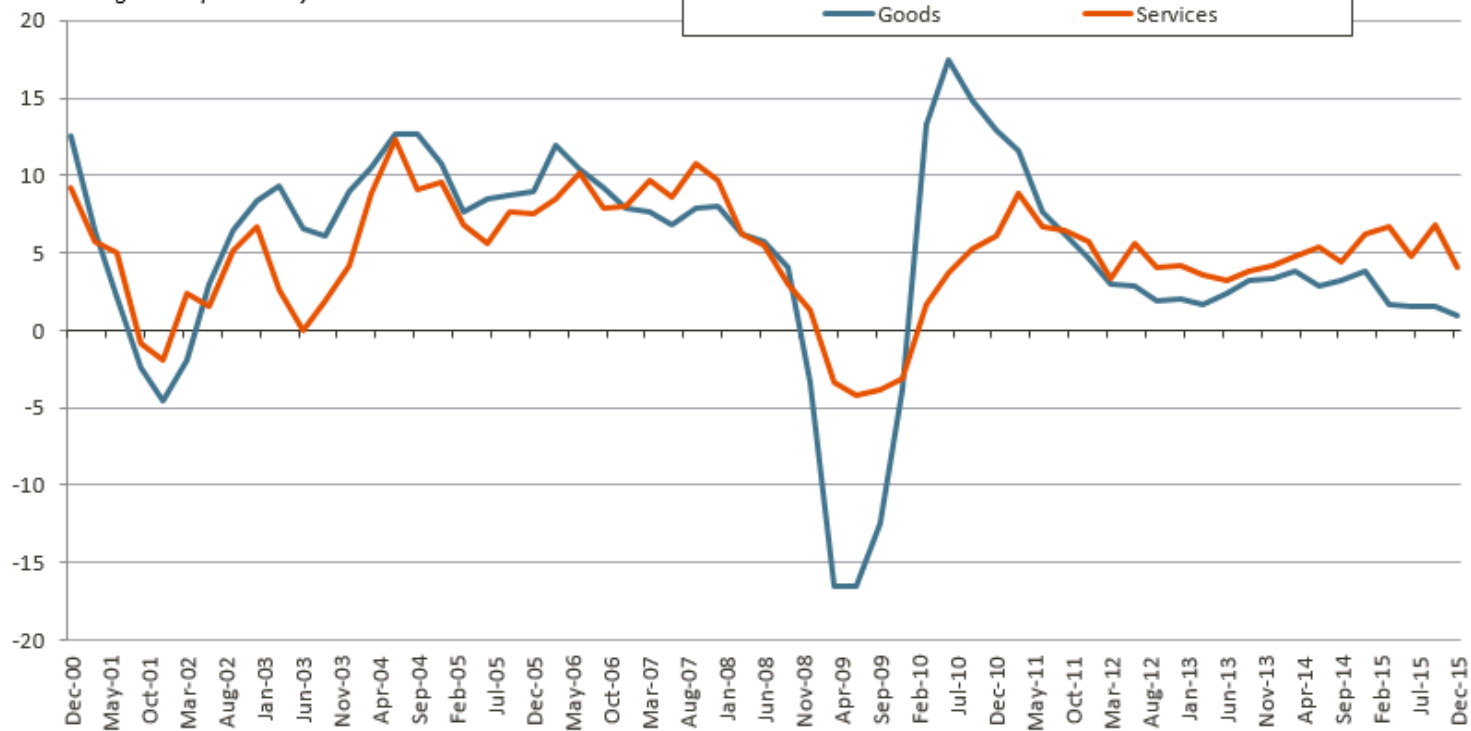
# Cơ cấu tiêu dùng ở Mỹ (1959-2016)



# Khối lượng xuất khẩu toàn cầu: Hàng hóa sv. Dịch vụ

## Tốc độ tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ

Per cent change over previous year



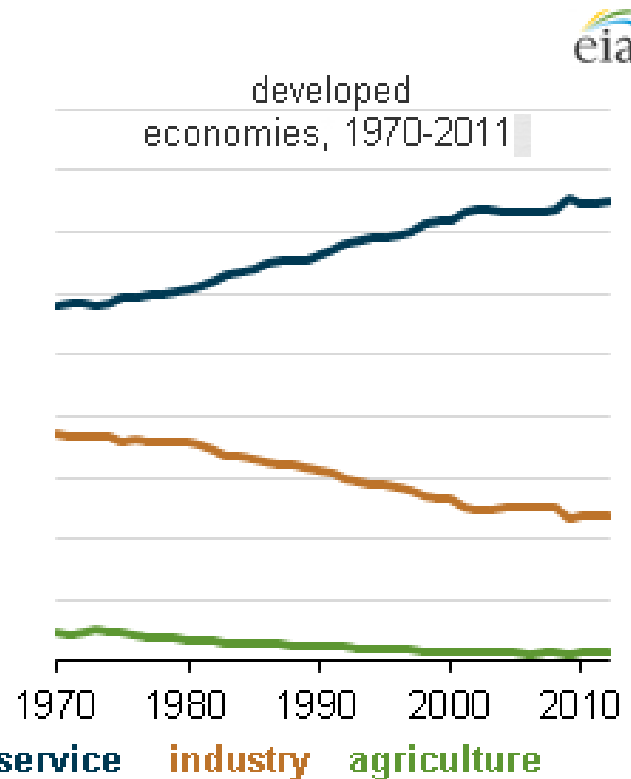
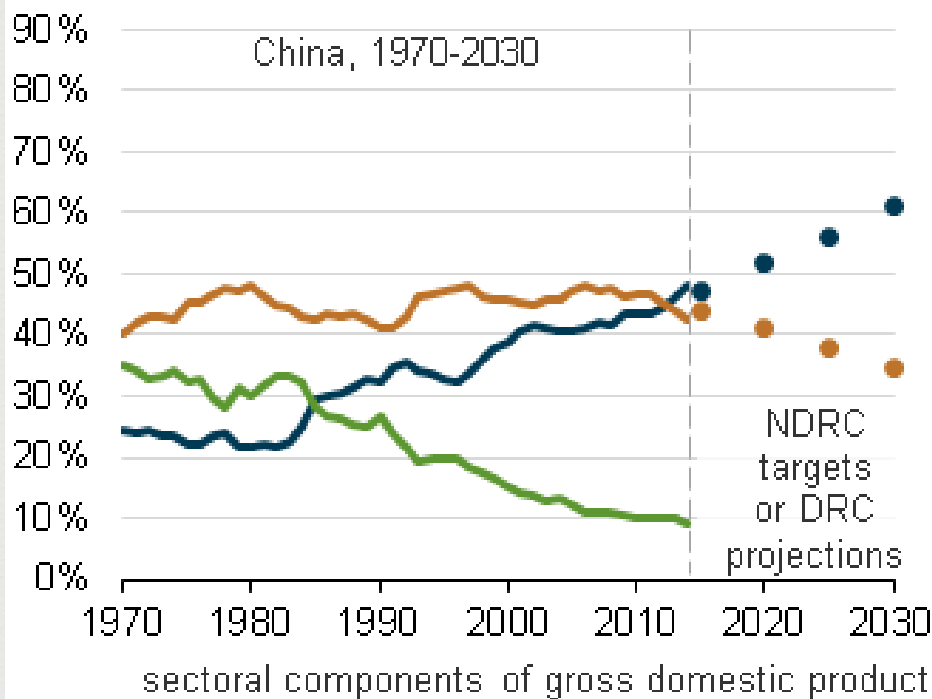
Source: Data provided by Oxford Economics

Nguồn: <https://www.austrade.gov.au/news/economic-analysis/world-trade-and-the-shift-to-services>

# Cơ cấu kinh tế của Trung Quốc

## Dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp

**Economic composition of China's GDP by sector**  
value added share of gross domestic product (GDP)



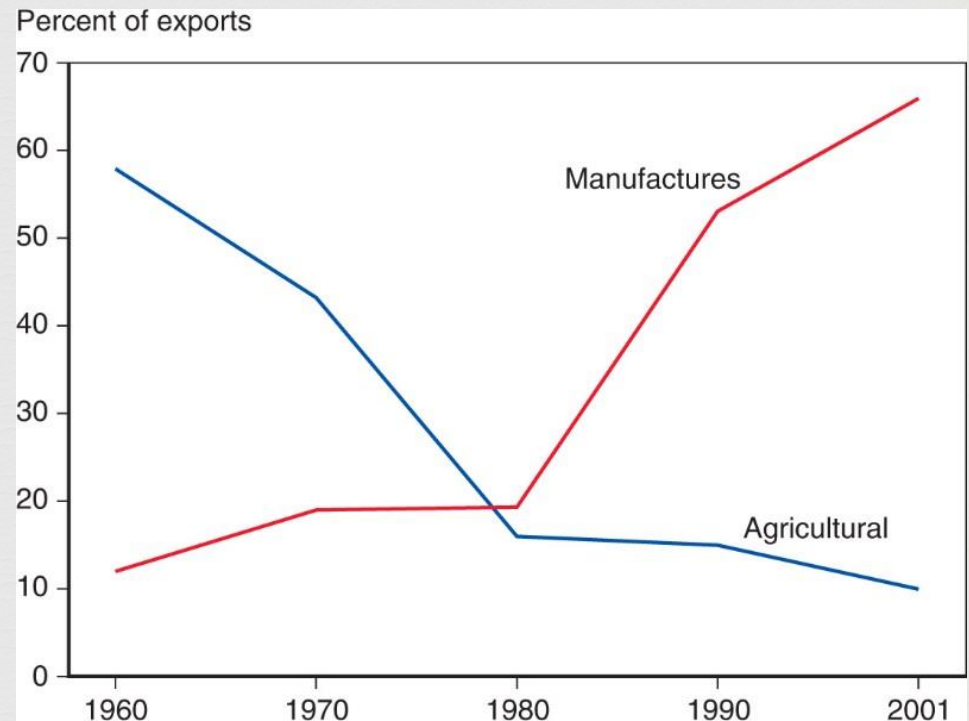
Nguồn: <http://www.theenergycollective.com/todayinenergy/2272951/coal-use-china-slowing>

# Các nước mua bán với nhau cái gì?

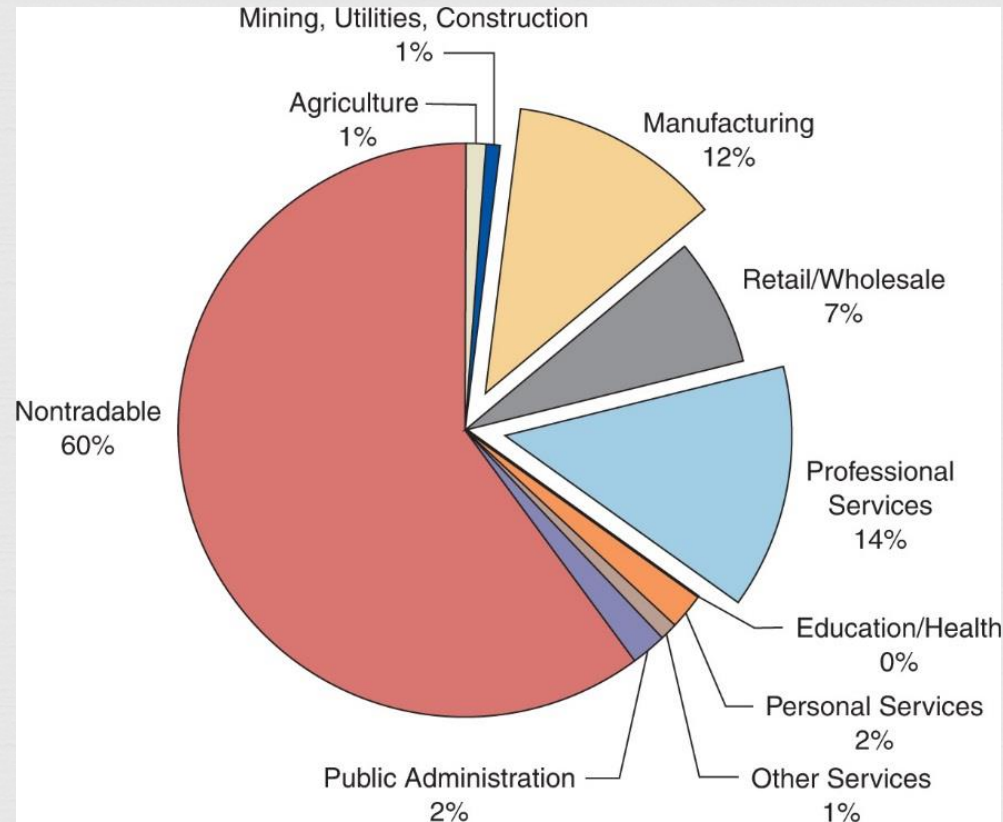


☞ Cơ cấu xuất khẩu của các nước đang phát triển cũng thay đổi đáng kể.

	1960	2001
<b>Nông sản</b>	58%	10%
<b>CN chế tạo</b>	12%	65%



# Tỷ lệ lao động trong các ngành



Nguồn: J. Bradford Jensen and Lori. G. Kletzer, "Tradable Services: Understanding the Scope and Impact of Services Outsourcing," Peterson Institute of Economics Working Paper 5-09, May 2005.